

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THÁI MỸ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THÁI MỸ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400998932

3. Ngày thành lập: 16/09/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Hạ, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0985135622

Fax:

Email: daututhaimy@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
3.	Trồng cây hàng năm khác	0119
4.	Trồng cây ăn quả	0121
5.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
6.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
9.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
10.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
11.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
12.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
13.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
14.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
15.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
16.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
17.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
18.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
19.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
20.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
21.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
22.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311

23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
25.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
26.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
27.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
28.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
29.	Sản xuất điện	3511
30.	Truyền tải và phân phối điện	3512
31.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
32.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
33.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
34.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
35.	Tái chế phế liệu	3830
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102
38.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
39.	Xây dựng công trình điện	4221
40.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
41.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
42.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
43.	Xây dựng công trình thủy	4291
44.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
45.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
54.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá tài sản	4511
55.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
56.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá tài sản	4513
57.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá tài sản	4530
59.	Bán mô tô, xe máy Trừ đấu giá tài sản	4541
60.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
61.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Trừ đấu giá tài sản	4543
62.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
63.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
64.	Bán buôn thực phẩm	4632
65.	Bán buôn đồ uống	4633
66.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
67.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
68.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
69.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
70.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
72.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
73.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
74.	Bán buôn tổng hợp	4690
75.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
76.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
77.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
78.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
79.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
80.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
81.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
82.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
83.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
84.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
86.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

87.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
88.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
89.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
90.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
91.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
92.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
93.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
94.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
95.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
96.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
97.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
98.	Bốc xếp hàng hóa	5224
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
100.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
101.	Cơ sở lưu trú khác	5590
102.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
103.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
104.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
105.	Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác	6430
106.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
107.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Trừ đấu giá tài sản	6820
108.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
109.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
110.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
111.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
112.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
113.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
114.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
115.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
116.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
117.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
118.	Giáo dục nhà trẻ	8511
119.	Giáo dục mẫu giáo	8512

120.	Đào tạo sơ cấp	8531
121.	Đào tạo trung cấp	8532
122.	Đào tạo cao đẳng	8533
123.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
124.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
125.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
126.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
127.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
128.	Hoạt động thể thao khác	9319
129.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
130.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312

6. **Vốn điều lệ:** 40.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGÔ QUANG LỰC	Việt Nam	TDP Kim Sơn, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	8.000.000.000	20,000	024084022449	
2	NGÔ XUÂN TÂN	Việt Nam	TDP Sơn Lập, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	28.000.000.000	70,000	024082011933	
3	DƯƠNG THỊ MAI	Việt Nam	Thôn Hạ, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	4.000.000.000	10,000	024187017344	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: NGÔ QUANG LỰC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024084022449

Ngày cấp: 17/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TDP Kim Sơn, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP Kim Sơn, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang